

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12905 /BGTVT-KHĐT

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2024

V/v điều chỉnh phân khai chi tiết kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2024 để nhập dự toán ngân sách trên Tabmis của các dự án đường sắt.

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước.

Căn cứ các Quyết định: số 1767/QĐ-BGTVT ngày 29/12/2023, số 736/QĐ-BGTVT ngày 17/6/2024 và số 1369/QĐ-BGTVT ngày 07/11/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc giao chi tiết, điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn Ngân sách Nhà nước năm 2024;

Căn cứ các văn bản: số 526/BGTVT-KHĐT ngày 15/01/2024 của Bộ GTVT về việc phân khai chi tiết kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2024 các dự án đường sắt; số 4893/BGTVT-KHĐT ngày 08/5/2024 của Bộ GTVT điều chỉnh phân khai chi tiết kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2024 để nhập dự toán ngân sách trên Tabmis của dự án Cải tạo, nâng cấp đoạn Vinh - Nha Trang, tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh; số 6873/BGTVT-KHĐT ngày 28/6/2024 của Bộ GTVT về việc điều chỉnh phân khai chi tiết kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2024 các dự án đường sắt;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án đường sắt văn bản số 3214/BQLDAĐS-KHĐT ngày 19/11/2024 về việc điều chỉnh phân khai chi tiết kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2024 để nhập dự toán ngân sách trên Tabmis của các dự án đường sắt.

Để bảo đảm phù hợp kế hoạch giải ngân vốn NSNN năm 2024 được giao, Bộ GTVT đề nghị Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước phân bổ kế hoạch chi tiết như biểu kèm theo văn bản này, các nội dung khác giữ nguyên theo các văn bản: số 526/BGTVT-KHĐT ngày 15/01/2024 và số 6873/BGTVT-KHĐT ngày 28/6/2024 của Bộ GTVT./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TTr Nguyễn Danh Huy (để b/c);
- Vụ trưởng (để b/c);
- Bộ Tài chính - Vụ Đầu tư;
- Sở GD KBNN;
- Ban QLDAĐS;
- Lưu: VT, KHĐT PHUONGNN.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ KHĐT
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Lưu Quang Thìn



PHỤ LỤC: ĐIỀU CHỈNH PHÂN KHAI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ ĐÃ GIAO CHI TIẾT VỐN NSTW TRONG NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Công văn số 12905/GTVT-KHĐT ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Bộ GTVT)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Mã dự án	Địa điểm mở TK (Mã KBNN)	Mã ngành kinh tế	Thời gian K/công H/thành	Quyết định phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 31/01/2024	Kế hoạch vốn NSNN năm 2024			Tổng KHV đã giao	Chi chú
								Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư	Trong đó:			Đã phân bổ năm 2024	Điều chỉnh phân bổ năm 2024	Tăng (+)/ Giảm (-)		
										Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16=15-14	17=13+15	18
									6.006.275	6.006.275	0	2.523.581	707.869	1.025.859	317.990	3.549.440	
I	Nâng cấp tuyến vận tải thủy sông Đuống (cầu đường sắt Đuống)	Ban QLDA Đường sắt	Hà Nội	7935197	Sở GD KBNN (0003)	293	2022-2025	1009/QĐ-BGTVT 26/7/2022	1.848.616	1.848.616		299.001	114.239	211.619	97.380	510.620	
1	Chi phí xây dựng								919.279	919.279		276.249	95.501	206.381	110.880	482.630	
2	Chi phí tư vấn, chi phí QLDA và chi phí khác								83.123	83.123		22.752	3.738	5.238	1.500	27.990	
-	- Chi phí tư vấn								43.081	43.081		16.752	827	2.327	1.500	19.079	
-	- Chi phí QLDA								9.753	9.753		6.000	2.700	2.700	0	8.700	
-	- Chi phí khác								30.289	30.289			211	211	0	211	
3	Chi phí GPMB, TĐC								650.820	650.820							
	Tiểu dự án GPMB	Các địa phương											15.000	0	-15.000	0	
-	Tiểu dự án GPMB quận Long Biên	UBND Q. Long Biên	TP. Hà Nội		KBNN Long Biên (0016)								5.000	0	-5.000	0	
-	Tiểu dự án GPMB huyện Gia Lâm	UBND H. Gia Lâm		KBNN Gia Lâm (0024)										10.000	0	-10.000	0
4	Chi phí dự phòng								195.394	195.394							
II	Cải tạo các ga trên các tuyến đường sắt phía Bắc	Ban QLDA Đường sắt	Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Lạng Sơn, Lào Cai	7924173	Sở GD KBNN (0003)	293	2022-2024	1011/QĐ-BGTVT 27/7/2022	470.101	470.101		230.687	99.915	141.195	41.280	371.882	
1	Chi phí xây dựng								356.569	356.569		205.135	87.894	128.655	40.761	333.790	
2	Chi phí tư vấn, chi phí QLDA và chi phí khác								29.788	29.788		17.054	6.221	5.245	-976	22.299	
-	- Chi phí tư vấn								20.413	20.413		14.554	2.540	1.885	-655	16.439	
-	- Chi phí QLDA								5.420	5.420		2.500	2.920	2.920	0	5.420	
-	- Chi phí khác								3.955	3.955			761	440	-321	440	
3	Chi phí GPMB, TĐC								33.518	33.518							
	Tiểu dự án GPMB	Các địa phương										8.498	5.800	7.295	1.495	15.793	
-	Tiểu dự án GPMB quận Hồng Bàng	UBND Q. Hồng Bàng	Hải Phòng		KBNN Hồng Bàng (0063)								0	0	0		
-	Tiểu dự án GPMB huyện An Dương	UBND H. An Dương		KBNN An Dương (0068)										800	795	-5	
-	Tiểu dự án GPMB huyện Cao Lộc	UBND H. Cao Lộc	Lạng Sơn		KBNN Cao Lộc (2421)								4.800	6.500	1.700		
-	Tiểu dự án GPMB huyện Bảo Thắng	UBND H. Bảo Thắng	Lào Cai		KBNN Bảo Thắng (2616)								200	0	-200		

Đơn vị: Triệu đồng																	
TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Mã dự án	Địa điểm mở TK (Mã KBNN)	Mã ngành kinh tế	Thời gian K/công H/thành	Quyết định phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 31/01/2024	Kế hoạch vốn NSNN năm 2024			Tổng KHV đã giao	Ghi chú
								Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư	Trong đó:			Đã phân bổ năm 2024	Điều chỉnh phân bổ năm 2024	Tăng (+)/ Giảm (-)		
										Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16=15-14	17=13+15	18
4	Chi phí dự phòng								50.226	50.226							
III	Cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Hà Nội - Vinh, tuyến đường sắt HN - TP. Hồ Chí Minh	Ban QLDA Đường sắt	Hà Nội, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An	7748965	Sở GD KBNN (0003)	293	2019-2025	2114/QĐ-BGTVT 08/11/2019; 2561/QĐ-BGTVT 31/12/2020;	1.398.703	1.398.703		1.044.706	21.619	81.509	59.890	1.126.215	
1	Chi phí xây dựng, thiết bị								1.099.967	1.099.967		892.824	3.027	75.389	72.362	968.213	
-	Chi phí xây dựng								953.652	953.652		892.824	3.027	22.505	19.478	915.329	
-	Chi phí thiết bị								146.315	146.315		0	0	52.884	52.884	52.884	
2	Chi phí QLDA, chi phí tư vấn, chi phí khác								76.033	76.033		56.615	4.590	4.965	375	61.580	
-	Chi phí QLDA								11.131	11.131		11.131	0	0	0	11.131	
-	Chi phí tư vấn								55.779	55.779		42.559	4.305	4.928	623	47.487	
-	Chi phí khác								9.122	9.122		2.925	285	37	-248	2.962	
3	Chi phí GPMB, TĐC (di dời công trình HTKT)	Ban QLDA Đường sắt							26.445	26.445		26.528	0	0	0	26.528	
-	Tiểu dự án GPMB	Các địa phương							168.859	168.859		68.740	14.002	1.155	-12.847	69.895	
-	Tiểu dự án GPMB huyện Thường Tín	UBND H. Thường Tín	TP. Hà Nội		KBNN Thường Tín (0030)								14.002	1.155	-12.847		
4	Chi phí dự phòng								27.400	27.400							
IV	Cải tạo, nâng cấp đoạn Vinh - Nha Trang, tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh	Ban QLDA Đường sắt	Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa	7924171	Sở GD KBNN (0003)	293	2022-2025	1005/QĐ-BGTVT 26/7/2022	1.189.979	1.189.979		338.319	292.096	344.806	52.710	683.125	
1	Chi phí xây dựng								957.561	957.561		305.277	257.004	316.979	59.975	622.256	
2	Chi phí tư vấn, chi phí QLDA và chi phí khác								80.434	80.434		25.927	15.668	8.403	-7.265	34.330	
-	Chi phí tư vấn								59.662	59.662		21.927	11.000	3.822	-7.178	25.749	
-	Chi phí QLDA								11.012	11.012		4.000	4.000	4.000	0	8.000	
-	Chi phí khác								9.761	9.761			668	581	-87	581	
3	Chi phí GPMB, TĐC								28.158	28.158							
	Tiểu dự án GPMB	Các địa phương										7.115	19.424	19.424	0	26.539	

Đơn vị: Triệu đồng																	
TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Mã dự án	Địa điểm mở TK (Mã KBNN)	Mã ngành kinh tế	Thời gian K/công - H/thành	Quyết định phê duyệt dự án				Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 31/01/2024	Kế hoạch vốn NSNN năm 2024			Tổng KHV đã giao	Ghi chú
								Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư	Trong đó:			Đã phân bổ năm 2024	Điều chỉnh phân bổ năm 2024	Tăng (+)/ Giảm (-)		
										Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16=15-14	17=13+15	18
-	Tiểu dự án GPMB huyện Tuy Phước	UBND H. Tuy Phước	Bình Định		KBNN Tuy Phước (2020)								2.916	2.916	0		
-	Tiểu dự án GPMB huyện Bồ Trách	UBND H. Bồ Trách	Quảng Bình		KBNN Bồ Trách (1515)								680	680	0		
-	Tiểu dự án GPMB huyện Hương Khê	UBND H. Hương Khê	Hà Tĩnh		KBNN Hương Khê (1463)								15.678	15.678	0		
-	Tiểu dự án GPMB huyện Vũ Quang	UBND H. Vũ Quang	Hà Tĩnh		KBNN Vũ Quang (1471)								150	150	0		
4	Chi phí dự phòng								123.825	123.825							
V	Cải tạo, nâng cấp đoạn Nha Trang - Sài Gòn, tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh	Ban QLDA Đường sắt	Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đồng Nai, Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh	7924172	Sở GD KBNN (0003)	293	2022-2025	555/QĐ-BGTVT 29/4/2022	1.098.876	1.098.876		610.867	180.000	246.730	66.730	857.597	
1	Chi phí xây dựng								936.207	936.207		579.847	171.287	238.071	66.784	817.918	
2	Chi phí tư vấn, chi phí QLDA và chi phí khác								60.054	60.054		31.020	8.713	8.659	-54	39.679	
-	Chi phí tư vấn								43.462	43.462		27.020	4.586	4.525	-61	31.545	
-	Chi phí QLDA								10.860	10.860		4.000	4.000	4.000	0	8.000	
-	Chi phí khác								5.732	5.732			127	134	7	134	
3	Chi phí dự phòng								102.615	102.615							

Ghi chú: Giám đốc Ban QLDA đường sắt và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về số liệu đề xuất và các chứng từ đề nghị thanh toán liên quan, bảo đảm trong phạm vi kế hoạch vốn đầu tư công được giao; tránh trùng lặp các chi phí và chi được giải ngân khi đủ điều kiện theo quy định hiện hành (rà soát chi phí GPMB bảo đảm định mức quy định, xác định ưu tiên giải ngân vốn cho công tác GPMB trường hợp các địa phương đề nghị).